

Bản án số: 556/2025/HS-ST  
Ngày: 07-8-2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Ngọc Cảnh

*Thẩm phán:* Bà Lê Hải Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phí Văn Nghi

Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Nguyễn Quang Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 818/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2025/HSST-QĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

**1. NGUYỄN THỊ T**, sinh ngày 20/8/1970 tại Thái Nguyên; ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là: Xóm Đ, xã L, tỉnh Thái Nguyên); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1; có chồng Nguyễn Văn C (đã ly hôn) và 06 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số

110/2023/HSST ngày 23/3/2023, TAND thành phố Hà Nội xử phạt 09 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam P1 - Bộ C3 từ ngày 27/7/2022, có mặt.

**2. ĐẶNG HOÀNG G**, sinh ngày 23/8/1958 tại Hà Nội; ĐKKHKT: Số nhà D, tổ B, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là: Số nhà D, tổ B, phường Y, thành phố Hà Nội); nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là: Xóm Đ, xã L, tỉnh Thái Nguyên); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hoàng T1 và bà Phạm Thị H2 (đều đã chết); có vợ Trần Thị T2 và 05 con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Ngày 16/6/2007, bị Công an quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Đánh bạc*” (hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng);

- Bản án số 79/HSST ngày 29/3/1995, TAND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội “*Đánh bạc*”;

- Bản án số 110/2023/HSST ngày 23/3/2023, TAND thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T12 - Bộ C3 từ ngày 11/11/2022, có mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:**

Ông **Trịnh Huỳnh Q** - Luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hoàng G:**

Bà **Phạm Thị H3** - Luật sư Công ty L5 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt.

**\* Bị hại:**

**1. Ông Vũ Khắc L**, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng (nay là: Tổ K, phường P, thành phố Hải Phòng), có mặt.

**2. Ông Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là: Thôn H, xã T, tỉnh Bắc Ninh), có mặt.

**3. Ông Phạm Trọng T3**, sinh năm 1958; nơi cư trú: Số nhà B, đường N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Số nhà B, đường N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2008, Nguyễn Thị T (sinh năm 1970; trú tại xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) và Đặng Hoàng G (sinh năm 1958; trú tại số nhà D, tổ B, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội) quen biết nhau và nảy sinh quan hệ tình cảm. Đến năm 2010, G chuyển về sống chung với T tại xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và có 02 con chung. Thời gian này, T và Giao hành nghề thầy cúng, xem phong thủy, lập điện thờ tại nhà T và tại nhà số A, đường L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Từ năm 2017 đến năm 2022, thông qua các mối quan hệ xã hội, ông Vũ Khắc L (sinh năm 1976; trú tại tổ K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng), ông Nguyễn Ngọc B (sinh năm 1964; trú tại thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang) và ông Phạm Trọng T3 (sinh năm 1958; trú tại số nhà B, đường N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh) gặp gỡ, quen biết T và Giao. Khi quen biết nhau, do có ý định chiếm đoạt tiền của ông L, ông B và ông T3 nên T và G đã đưa ra thông tin gian dối về việc đang sở hữu 01 khối T có trọng lượng 4,27kg và 01 khối T có trọng lượng 8,7kg; các khối Thiên Thạch có nguồn gốc cổ xưa, có tính phóng xạ và có khả năng hủy gương kính. Ngoài ra, T và G còn đưa ra thông tin không có thật về việc đang sở hữu, giao dịch nhiều tiền ngoại tệ là USD trôi nổi, chưa kích hoạt, chưa lưu thông sử dụng và bảo ông B, ông L đưa tiền cho T để T thuê quần áo chống độc để vào kho lấy tiền USD, làm thủ tục pháp lý để bán Thiên T4. T hứa hẹn khi bán được Thiên T4, sẽ cho ông L, ông B, ông T3 rất nhiều tiền USD. Do tin tưởng những thông tin gian dối trên là thật nên ông L, ông B và ông T3 đã nhiều lần chuyển cho T và G tổng số tiền 20.234.329.997 đồng và bị chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

#### **1. Hành vi chiếm đoạt tiền của ông Vũ Khắc L**

Tháng 07/2017, thông qua người quen là ông Trần Văn Đ (sinh năm 1957; trú tại tổ G, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội) giới thiệu nên ông

Vũ Khắc L biết thông tin Nguyễn Thị Tuyết sở hữu đá T13 có trọng lượng 8,7kg; biết T đang cần tiền để làm thủ tục bán khối đá Thiên Thạch cho Tập đoàn W1 do ông J Phạm Nguyễn là Chủ tịch tập đoàn (Công ty W2, là Công ty nước ngoài do T tự đặt ra) nên ông L đã liên hệ với T. Sau đó, ông L cùng ông Đ đến nhà T ở xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để gặp T và Đặng Hoàng G. Tại đây, qua trao đổi, T nói với ông L là có đá Thiên T4 và đang chuẩn bị bán cho Công ty W2 với giá 03 tỷ USD/01kg; đồng thời T nói đang cần tiền để chi phí đi làm các thủ tục, giấy tờ với các cơ quan ở thành phố Hà Nội để bán được đá Thiên Thạch. Nếu ông L tham gia vào giao dịch bán Thiên Thạch thì phải đưa cho T tiền để đi làm các thủ tục bán Thiên Thạch. T hứa hẹn nếu ông L đưa cho T số tiền 1.000.000.0000 đồng thì khi bán được Thiên T4, T sẽ cho ông L được hưởng lợi số tiền 10.000.000 USD và nếu ông L đưa nhiều tiền hơn thì sẽ được hưởng lợi nhiều hơn nữa. T và G đưa cho ông L xem nhiều loại giấy tờ liên quan đến việc giao dịch mua bán Thiên Thạch, trong đó có “Danh sách thành viên thụ hưởng nhận tiền theo hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo” do Đặng Hoàng G ký tại mục “Bên cho tặng”, với nội dung cho những người có tên trong danh sách được thụ hưởng tiền USD.

Khoảng 10 ngày sau, T gọi điện thoại bảo ông L đến nhà T. Khi gặp nhau, T nói: *“Việc giao dịch bán Thiên Thạch được một nửa chặng đường rồi, mọi thủ tục giấy tờ liên quan đến việc bán Thiên Thạch sắp xong, bây giờ đang thiếu tiền chi phí để làm các thủ tục bán Thiên Thạch, ông L đưa tiền để T chi phí vào việc giao dịch bán Thiên T4 và hứa cho ông L 50.000.000 USD nếu ông L đưa cho T số tiền là 5.000.000.000 đồng để T lấy tiền chi phí bôi trơn cho các ban ngành nhà nước”*. Ông L tin tưởng những thông tin mà T đưa ra là thật nên trong thời gian từ tháng 06/2018 đến tháng 10/2022, ông L chuyển tiền qua tài khoản và chuyển tiền thông qua dịch vụ V1 cho T và G nhiều lần với tổng số tiền là 1.349.600.000 đồng (trong đó có 200.000.000 đồng có lập giấy biên nhận do Nguyễn Thị T ký nhận, vào tài khoản số 8505205230053 mở tại Ngân hàng N3 (A) và tài khoản số 030044611194 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) của T số tiền 467.500.000 đồng; chuyển số tiền 580.000.000 đồng thông qua dịch vụ V1 vào số điện thoại 0904308399 của Đặng Hoàng G là người

nhận, chuyển nhiều lần số tiền 102.100.000 đồng thông qua dịch vụ V1 vào số điện thoại của Nguyễn Thị T là người nhận). Sau khi T nhận tiền của ông L, T chỉ đạo Giao viết, ký vào “Hợp đồng chuyển nhượng gia bảo” và “Danh sách thành viên thụ hưởng nhận tiền theo hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo” với nội dung cho ông L được thụ hưởng số tiền 17.000.000 USD. Toàn bộ số tiền nhận của ông L, T và G chiếm đoạt sử dụng cá nhân hết.

Ngoài ra, theo lời khai của ông L còn trực tiếp đưa cho T số tiền mặt là 4.285.000.000 đồng, khi đưa không làm giấy biên nhận nhưng T không thừa nhận nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ kết luận T đã chiếm đoạt số tiền 4.285.000.000 đồng của ông L.

Ông L khai chuyển số tiền 8.000.000 đồng thông qua dịch vụ V1 vào số điện thoại 0917760204 của ông Hoàng Văn B1 (sinh năm 1960; là hàng xóm của T) để nhận hộ T nhưng T không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã xác minh và xác định ông B1 đi khỏi phương từ năm 2022, không rõ nơi cư trú nên chưa đủ căn cứ để xử lý T về hành vi chiếm đoạt số tiền trên. Ngày 25/10/2024, Cơ quan điều tra đã quyết định tách tài liệu liên quan đến hành vi của ông B1 để tiếp tục điều tra, làm rõ kết luận sau.

Ngày 28/02/2023, ông Vũ Khắc L có đơn trình báo Công an tỉnh T về việc bị Nguyễn Thị T và Đặng Hoàng G lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đồng thời, ông L giao nộp tại Cơ quan điều tra số tài liệu gồm: 05 (năm) trang bản gốc “Hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo” (có nội dung T và G ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc B chuyển nhượng đá Thiên thạch cho Công ty W3 với tổng giá trị chuyển nhượng là 5,987 tỷ USD); các Giấy nộp tiền vào tài khoản số 8505205230053 mở tại Ngân hàng A, tài khoản số 030044611194 mở tại Ngân hàng S1, đều mang tên Nguyễn Thị T; Giấy nộp tiền qua dịch vụ V1 thông qua số điện thoại người nhận 0869285919, 0904308399; 01 bản gốc Giấy nhận tiền đề ngày 01/5/2018, nội dung T nhận của ông L số tiền 200.000.000 đồng.

**Tại bản Kết luận giám định số 563/KL-KTHS ngày 30/4/2024 của Phòng K - Công an tỉnh T đối với Hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo, đề ngày 19/7/2020, kết luận:**

“...1. Chữ ký mang tên “Nguyễn Thị T” trên mẫu cần giám định ký

hiệu HĐ so với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu T1.1, T1.2, T1.3 do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên “Đặng Hoàng G” trên mẫu cần giám định ký hiệu HĐ so với chữ ký mang tên “Đặng Hoàng G” trên mẫu so sánh ký hiệu G1 do cùng một người ký ra...”

**Tại bản Kết luận giám định số 858/KL-KTHS ngày 30/06/2023 của Phòng K - Công an tỉnh T đối với Giấy nhận tiền, Danh sách thành viên thụ hưởng theo Hợp đồng chuyển nhượng gia bảo, kết luận:**

“1. Chữ ký, chữ viết dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu L so với chữ ký, chữ viết trên mẫu so sánh ký hiệu T do một người ký, viết ra.

2. Chữ ký dưới mục “Bên cho tặng” trên mẫu cần giám định ký hiệu GB1, GB2, GB3, GB4, GBS, GB6, GB7, GB8 so với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu G do một người ký ra.”

**Trách nhiệm dân sự:** Ông Vũ Khắc L đề nghị xử lý các bị can Nguyễn Thị T và Đặng Hoàng G theo quy định pháp luật và yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 5.642.600.000 đồng. Hiện bị can T và bị can G chưa bồi thường cho ông L.

## **2. Hành vi chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Ngọc B**

Năm 2017, Nguyễn Thị Tuyết L1 tin đang có nhiều tiền ngoại tệ là USD trôi nổi chưa được kích hoạt, chưa lưu thông sử dụng. Qua tìm hiểu, ông Nguyễn Ngọc B biết được thông tin trên, đã liên hệ gặp T tại một quán cà phê ở khu vực phố C thành phố Hà Nội (ông B không nhớ địa chỉ quán). Tại đây, ông B hỏi T về nguồn ngoại tệ là USD chưa kích hoạt lưu thông, nếu T có thì bàn giao cho ông B để ông B đi làm thủ tục, giấy tờ pháp lý cho số ngoại tệ USD này được lưu thông, sử dụng trên toàn thế giới. Do muốn chiếm đoạt tiền của ông B nên T tự nhận là mình có nhiều tiền USD chưa kích hoạt, chưa được lưu thông, sử dụng. Thấy vậy, ông B đặt vấn đề với T để T cho xem ngoại tệ USD và chuyển giao cho ông B số ngoại tệ này. Ông B hứa hẹn sẽ trả công cho T nhưng để cho ông B tin tưởng hơn, T giả vờ không đồng ý và không cho xem số ngoại tệ trên.

Ngày 18/11/2019, T gọi điện thoại hẹn ông B đến nhà nghỉ ở số E, phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội để trao đổi về số ngoại tệ là

USD. Ngày 21/11/2019, ông B đến nhà nghỉ trên thì gặp T cùng Đặng Hoàng G, ông Trần Văn Đ (sinh năm 1957; trú tại tổ G, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội), ông Lê Quân L2 (sinh năm 1952; trú tại số nhà E, phố N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội) và ông Đào Văn P (sinh năm 1955; trú tại số nhà E, phố H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội), là những người thường đến nhà T để làm lễ cúng. Tại đây, T nói sẽ chuyển giao trước cho ông B 1.000.000.000 USD để ông B đi làm thủ tục, giấy tờ pháp lý cho số USD này được lưu thông, sử dụng hợp pháp. T nói với ông B số USD trên được cất, lưu trữ tại một kho thuộc huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (không nói rõ địa chỉ cụ thể) và có “Cậu Đồng” (người hoạt động tâm linh) đang trông giữ. Đồng thời, T đưa cho ông B xem 02 mẫu tiền loại 100 USD và ông B đã đưa lại cho T 4.500.000 đồng để giữ lại 02 tờ tiền USD trên (hiện ông B không còn giữ 02 tờ USD). T nói sẽ giao cho ông Đào Văn P làm đại diện cho T khi làm thủ tục chuyển giao 1.000.000.000 USD cho ông B, đồng thời T yêu cầu ông B phải đưa tiền để T đi thuê quần áo bảo hộ, quần áo chống độc cho cậu Đ1 mặc đi vào kho lấy 1.000.000.000 USD để bàn giao cho ông B trong thời hạn từ ngày 26/11/2019 đến ngày 06/12/2019. Để tạo sự tin tưởng của ông B, G cũng nói với ông B việc T có tiền ngoại tệ trôi nổi chưa kích hoạt lưu thông, có đá Thiên T4 đang làm thủ tục bán cho công ty N4 và thuyết phục ông B đưa tiền cho T với lý do: “Ông bà cho lộc thì cố gắng nộp tiền vào đi”.

Do tin tưởng T có nguồn ngoại tệ USD nên ông B đã cùng ông P ký xác nhận vào Biên bản xác nhận mẫu USD (USD hàng lưu giữ - trôi nổi chưa đăng ký lưu thông) số 21-11-2019 và Bản bàn giao nguồn tài chính di sản lịch sử về việc xử lý nguồn tài chính di sản lịch sử Quốc tế Triều Nguyễn - Hệ thống HCM số 21-11-2019/CCTNCG của Hội đoàn Xử lý tài chính quốc tế Hoa Kỳ - VATICAN - VIỆT NAM. Sau đó, ông B khai đưa trước cho T số tiền 50.000.000 đồng là tiền thuê quần áo chống độc (không viết giấy tờ biên nhận tiền).

Ngày 24/11/2019, T bảo Giao, ông B, ông L2, ông Lăng Hán T5 (sinh năm 1938; trú tại xóm A, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) và bà Lê Thị H4 (sinh năm 1975; trú tại tổ A, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; là những người thường đến nhà T để làm lễ cúng) đi cùng T đến

thành phố Hồ Chí Minh và nghỉ tại khách sạn T14 ở phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh để tham gia làm thủ tục bán Thiên Thạch có trọng lượng 4,27kg cho Công ty W2. Việc giao dịch này, T nhờ ông Đinh Văn V là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty D1 kết nối.

Đến ngày 28/11/2019, T bảo G, ông B và bà H4 cùng đi để gặp ông V ở khu du lịch S. Khi đến cổng, T bảo mọi người đứng đợi ở ngoài cổng để T đi một mình vào trong gặp ông V. Khoảng hơn 01 giờ sau, T đi ra và bảo mọi người đi về khách sạn. Tại khách sạn, T nói đã gặp ông V và thống nhất sẽ làm thủ tục chuyển nhượng đá Thiên Thạch trên cho ông M P Nguyen với giá là 1.400.000.000 USD/01kg. Tuyệt chỉ định ông B là người đại diện cho gia đình T - Giao để đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng Thiên Thạch cho ông M P Nguyen. Theo đó, T sẽ cho ông B được hưởng số tiền 20.000.000 USD sau khi chuyển nhượng được đá Thiên Thạch. Ông B đồng ý đứng tên đại diện cho T, Giao trong Hợp đồng chuyển nhượng Thiên Thạch và T bảo ông Bích soạn Hợp đồng chuyển nhượng. Trong tháng 01/2020, T tiếp tục bảo ông B làm Hợp đồng đặt cọc (theo Hợp đồng chuyển nhượng đá Thiên Thạch) HĐMB số 01/01/2020 (nội dung ông Nguyễn Ngọc B chuyển nhượng cho M3 của Công ty W2 có trọng lượng 4,27 kg với tổng giá trị chuyển nhượng là 8.540.000.000 USD và ông M P Nguyen đặt cọc cho ông B số tiền là 500.000.000 USD). Sau khi soạn thảo hợp đồng, ông B ký tên xác nhận tại mục bên nhận đặt cọc, T ký tên tại mục chủ hàng. Để ông B tin tưởng nên ngày 19/7/2020, T tiếp tục bảo ông B làm “Hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo HĐCN số 001/19/7/2020 ngày 19/7/2020” có nội dung ông B đại diện cho T và G bán đá Thiên Thạch với giá 5.978.000.000 USD cho người có tên M3 - Công ty W2. Sau đó, ông B ký vào mục “Đại diện bên A” còn T và G ký vào mục “Chủ nhà” trong hợp đồng.

Từ tháng 11/2019, T nhiều lần yêu cầu ông B đưa tiền để T làm thủ tục giải ngân số tiền USD theo hợp đồng đặt cọc nêu trên, tiền mua vé máy bay cho ông Đinh Văn V đi Mỹ và tiền mua vé máy bay cho người của Công ty W2 đến Việt Nam làm thủ tục giải ngân, nếu ông B không đưa thêm tiền thì T sẽ cắt khỏi danh sách thụ hưởng và không trả lại số tiền mà ông B đã đưa cho T từ trước. Trong năm 2020, T yêu cầu ông B lập nhiều

danh sách thành viên thụ hưởng nhận tiền theo Hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo với nội dung: “Đặng Hoàng G tặng cho Vũ Khắc L số tiền 17.000.000 USD, tặng cho ông Trần Văn Đ số tiền 70.000.000 USD; tặng cho ông Đào Văn P số tiền 8.000.000 USD; tặng cho bà Lê Thị H4 số tiền 20.000.000 USD; ông Lăng Hán T5 số tiền 200.000.000 USD; ông Lê Quân L2 số tiền 2.000.000 USD; bản thân Nguyễn Thị T số tiền 21.000.000 USD; ông Nguyễn Ngọc B số tiền 61.000.000 USD, ông Phạm Ngọc T6 số tiền là 170.000.000 USD”. Sau đó, T chỉ đạo Giao ký tại mục “Bên cho tặng” trên các bản danh sách trên. Để ông B tin tưởng, T chỉ đạo Giao tiếp tục lập, viết, ký “Giấy đề nghị” gửi “Ngài W. Mr P Nguyen” đề ngày 26/02/2020 nội dung thể hiện T và G có sở hữu đá Thiên Thạch và đề nghị ông W. Mr P Nguyen chuyển tiền mua đá Thiên Thạch vào tài khoản Ngân hàng C4 chi nhánh H6 (Ngân hàng nước ngoài) của T.

Do tin tưởng việc T sở hữu đá Thiên Thạch, việc giao dịch bán đá Thiên Thạch là thật, đồng thời sợ T loại khỏi danh sách được thụ hưởng và không trả lại số tiền đã đưa nên từ tháng 12/2019 đến ngày 08/7/2022, ông B đã nhiều lần chuyển tiền cho T với tổng số tiền 1.140.360.000 đồng vào tài khoản T15 số 19027261709011 mang tên Nguyễn Thị T, tài khoản số 19031347793993 mang tên Lê Thị Tuyết M1 tại Ngân hàng T15. Sau khi nhận được tiền từ ông B, T đã chiếm đoạt sử dụng cá nhân hết.

Ngoài ra, ông B khai còn đưa cho T tổng số tiền mặt là 250.000.000 đồng (không có giấy biên nhận) nhưng T không thừa nhận. Ông B không cung cấp được tài liệu chứng minh về các lần đưa tiền, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ kết luận T đã chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của ông L.

Ông B khai từ ngày 21/09/2020 đến ngày 25/09/2020 ông B sử dụng các tài khoản Ngân hàng M4 số 1890196599999; tài khoản Ngân hàng T15 số 19035775320019 và thông qua quầy dịch vụ chuyển tiền V1 chuyển và nộp trực tiếp vào tài khoản T15 số 19035171919011 mang tên Hoàng Thị Trà M2 (sinh năm 1999; trú tại đội A, thôn B, xã Y, huyện Q, Hà Nội) tổng số tiền 26.000.000 đồng để chuyển hộ cho T nhưng T không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã xác minh, xác định hiện M2 đã sang C để làm việc nên chưa ghi được lời khai để làm rõ số tiền trên, chưa đủ căn cứ kết luận T

chiếm đoạt số tiền trên. Ngày 25/10/2024, Cơ quan điều tra đã quyết định tách tài liệu liên quan đến hành vi của Hoàng Thị Trà M2 để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Ngày 22/02/2023, ông Nguyễn Ngọc B có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T về việc bị Nguyễn Thị T và Đặng Hoàng G lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đồng thời, ông B giao nộp tại Cơ quan điều tra số tài liệu liên quan, gồm:

- 01 “Danh sách thành viên thụ hưởng nhận tiền theo hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo”, bên nhận thụ hưởng: Nguyễn Ngọc B, bên cho tặng: Đặng Hoàng G, đề năm 2020.

- 01 “Danh sách thành viên thụ hưởng nhận tiền theo hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo”, bên nhận thụ hưởng: Phạm Trọng T3, bên cho tặng: Đặng Hoàng G, đề năm 2020.

- 01 “Danh sách thành viên thụ hưởng nhận tiền theo hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo”, bên chuyển nhượng: Nguyễn Ngọc B, chủ hàng: Đặng Hoàng G, Nguyễn Thị T, đề ngày 19/7/2020 (Gồm 07 tờ).

- 01 Quyển sổ màu đỏ kích thước khoảng (21x30)cm, bên trong có 13 trang có chữ viết được đánh số từ 01 đến 13.

- 02 trang Bản in màu “Biên bản xác nhận mẫu USD (USD Hàng lưu giữ - trôi nổi chưa đăng ký lưu thông) số 21/11/2019 ngày 21/11/2019” Đại diện bên bàn giao có chữ ký mang tên Đào Văn P; Đại diện đoàn xử lý tài chính di sản lịch sử Quốc tế có chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc B, người làm chứng Phạm Trọng T3 ký.

- 05 trang Bàn giao nguồn tài chính di sản lịch sử V/v: Xử lý nguồn TCDSLS quốc tế Triều Nguyễn - hệ thống H7; Đại diện bên bàn giao, có chữ ký ghi họ và tên Đào Văn P; Đại diện bên tiếp nhận bàn giao, có chữ ký ghi họ và tên Nguyễn Ngọc B; Người làm chứng có chữ ký Phạm Trọng T3 (tức N) (bản phô tô).

- 05 (năm) trang Hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo (có tính năng hủy Gương kính, hủy Thủy Ngân trong nhiệt kế y tế) HĐCN số 001/19/7/2020 ngày 19/7/2020 (bản phô tô).

- 08 (tám) trang bản gốc Danh sách thành viên thụ hưởng nhận tiền theo hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo do Đặng Hoàng G trao tặng

Phạm Ngọc T6; Nguyễn Thị T; Đào Văn P; Lê Thị H4; Lăng Hán T5; Vũ Khắc L; Lê Quân L2; Trần Văn Đ.

Đối với Lê Thị T7, là người được Nguyễn Thị T yêu cầu ông B từ ngày 01/09/2020 đến ngày 10/11/2020 chuyển tổng số tiền 316.000.000 đồng vào tài khoản số 19031347793993 của Lê Thị Tuyết M1 tại Ngân hàng T15. Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị T7 khai số tiền trên là do Nguyễn Thị Tuyết C1 cho Lê Thị T7 để đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, đề nhưng không cung cấp được các tài liệu thể hiện Nguyễn Thị T đánh lô, đánh đề. Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Thị T không thừa nhận việc chuyển tổng số tiền 316.000.000 đồng nêu trên để đánh lô, đề mà là số tiền Nguyễn Thị Tuyết C1 cho Lê Thị T7 để mua bán chè, hoa quả với nhau. Tài liệu thu thập được không đủ căn cứ kết luận Lê Thị T7 và Nguyễn Thị T có hành vi đánh bạc; đồng thời chưa đủ căn cứ xác định Lê Thị T7 đồng phạm với Nguyễn Thị T về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Ngày 14/7/2023, Lê Thị T7 đã giao nộp số tiền 316.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T để phục vụ công tác điều tra.

Đối với ông Đinh Văn V là Tổng giám đốc, kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty D1. Kết quả điều tra xác định ông V không quen biết và không có quan hệ gì với Nguyễn Thị T, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với ông Đào Văn P, kết quả điều tra xác định năm 2019, ông P được ông B nhờ ký Biên bản xác nhận mẫu USD và bản bàn giao nguồn tài chính di sản lịch sử và được T, G đưa vào Danh sách thành viên thụ hưởng nhận tiền 8.000.000 USD theo Hợp đồng chuyển nhượng gia bảo. Tuy nhiên, ông P không được hưởng lợi tiền từ T, G và ông B.

Đối với bà Lê Thị H4, ông Lăng Hán T5, ông Lê Quân L2, ông Trần Văn Đ, ông Bùi Tiến Q1 (sinh năm 1965; trú tại tòa nhà B V, phường P, quận B, thành phố Hà Nội), chị Lê Minh N1 (sinh năm 1963; trú tại P phố T, phường T, quận H, Hà Nội) và một số người liên quan đã ký vào Danh sách thụ hưởng nhận tiền theo Hợp đồng chuyển nhượng gia bảo, được T hứa hẹn sau khi chuyển nhượng được vật gia bảo sẽ cho thụ hưởng số tiền USD lớn. Tuy nhiên đến nay những người này chưa chuyển tiền cho T và

chưa được thụ hưởng tiền USD như T hứa hẹn.

**Trách nhiệm dân sự:** Ngày 25/10/2024, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông Nguyễn Ngọc B số tiền 316.000.000 đồng. Hiện ông B yêu cầu các bị can Nguyễn Thị T và Đặng Hoàng G tiếp tục bồi thường số tiền 1.074.360.000 đồng bị chiếm đoạt và đề nghị xử lý các bị can theo pháp luật.

### **3. Hành vi chiếm đoạt tiền của ông Phạm Trọng T3**

Khoảng giữa năm 2019, thông qua ông Nguyễn Ngọc B thì ông Phạm Trọng T3 quen biết với Nguyễn Thị T và Đặng Hoàng G. Khi gặp ông T3, T và G nói dối về việc T có khả năng giao tiếp với người âm và những ai được hưởng lộc đều do các “ngài” cõi âm xem xét ấn định. T và G còn nói đang sở hữu 03 khối đá Thiên Thạch của dòng tộc, tổ tiên để lại với tên gọi lần lượt là “ông Mặt T8”, “ông Mặt T9” và “Trần Yểm”, tên gọi chung là cụ D và đã ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc B ký hợp đồng chuyển nhượng cụ “Trần Yểm” với Tập đoàn W4 do ông M P Nguyen làm Chủ tịch tập đoàn. Việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng Thiên Thạch trên được Chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ Việt Nam đồng ý và phía Việt Nam giao cho các Bộ, Ngành có liên quan thực hiện. T cùng G nói có quen biết với ông Đinh Văn V, là con rể cựu Thủ tướng Chính phủ, đang là Giám đốc kiêm Chủ tịch khu du lịch S, đồng thời là cán bộ của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh nên được thực hiện các giao dịch trên. Trước đây, ông V đã thực hiện chuyển nhượng một Thiên Thạch có tên gọi “Tâm L3”, từ đó có tiền xây dựng khu du lịch S và thực hiện nhiều dự án tại huyện P, tỉnh Kiên Giang. Hiện ông V đang là cổ đông góp vốn vào Tập đoàn W4 và chịu trách nhiệm về mặt pháp lý đối với các giao dịch mua bán các Thiên Thạch. Tuyệt gửi cho ông T3 xem hình ảnh Thiên T4 đang thực hiện chuyển nhượng với Tập đoàn W4, được thử và quay video, chụp ảnh tại nhà T. Hợp đồng thứ nhất, T và G đã ủy quyền cho ông B ký chuyển nhượng Thiên Thạch “Trần Yểm” nặng 4,27kg với Tập đoàn W1 với giá 5,978 tỷ USD.

Sau đó, khoảng cuối năm 2019, ông T3 đã gặp Giao, T và nhiều người tại nhà do T, G thuê ở số B, phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. T và G nói với ông T3, để giao dịch thành công đá Thiên Thạch trên cần kinh phí rất lớn. Hiện đã có khoảng 20 người đầu tư chi phí ban đầu để

hoàn tất thủ tục bán Thiên Thạch. Giao và T hứa hẹn cho gia đình ông T3 thụ hưởng 100 triệu USD, sau đó tăng lên 170 triệu USD nếu ông T3 đồng ý đóng góp chi phí ban đầu để làm thủ tục mua bán Thiên Thạch. Để tạo lòng tin từ ông T3, T và G đã lập danh sách “Danh sách thành viên thụ hưởng nhận tiền theo hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo” với nội dung T và G là đại diện chủ sở hữu Thiên Thạch trao tặng tiền cho 30 cá nhân sau khi bán được Thiên Thạch, trong đó ông T3 được thụ hưởng số tiền 170 triệu USD. Giao và T cho ông T3 xem sổ dư tài khoản Ngân hàng C4 mang tên Giao với số tiền 50 tỷ USD, do vấn đề bảo mật nên thiếu một vài số 0 và tài khoản đang bị khóa do Tập đoàn W1 muốn mua hết cả 03 T, nhưng sẽ mua trước Thiên T4 “Trần Yêm”. Sau một thời gian, G và T nói với ông T3 việc Tập đoàn W4 đã tăng giá mua Thiên Thạch theo hợp đồng thứ hai lên 8,54 tỷ USD, tương đương hơn 204,960 nghìn tỷ VNĐ. Giao và T còn nói với ông T3 là đã làm lễ xin các vị Thánh Thần, xin ông bà cõi âm đồng ý cho các con ông T3 được thụ hưởng số tiền 2 tỷ USD từ tiền bán Thiên Thạch. Lợi dụng lòng tin của ông T3, T liên tục lấy nhiều lý do nhấn tin, gọi điện thúc giục ông T3 chuyển tiền cho T để hoàn thiện thủ tục cho các con ông T3 sớm nhận được số tiền 2 tỷ USD. Tin vào những thông tin của T và G đưa ra nên từ ngày 04/10/2020 đến ngày 27/7/2022, ông T3 sử dụng tài khoản số 19024135092018 mở tại Ngân hàng T15; tài khoản số 1958208 mở tại Ngân hàng A1 và tại cửa hàng V1, nhiều lần chuyển tổng số tiền 17.770.369.997 đồng đến tài khoản số 19027261709011 của T mở tại Ngân hàng T15 và tài khoản số 12410004007847 của T mở tại Ngân hàng B2.

Ngoài ra, từ ngày 20/12/2019 đến ngày 26/02/2022, tại số nhà B, phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; tại xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và tại số nhà A, phố L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội, ông T3 khai đã 15 lần đưa tiền mặt cho Nguyễn Thị T với tổng số tiền là 4.840.000.000 đồng (những lần đưa tiền mặt cho T, ông T3 không viết giấy biên nhận tiền và không có người chứng kiến).

Ngày 27/3/2023, sau khi biết G và T đã bị bắt về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ông Phạm Trọng T3 đã viết đơn tố giác đến Phòng K Công an thành phố H. Đồng thời, ông T3 giao nộp số tài liệu liên quan, gồm:

- 01 bản phô tô “Hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo (có nội dung Giao ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc B đứng đại diện ký Hợp đồng chuyển nhượng vật gia bảo cho Công ty W2, tổng giá trị chuyển nhượng là 5,987 tỷ USD) và 01 bản phô tô Hợp đồng đặt cọc, kèm theo hợp đồng chuyển nhượng trên.

- 03 (ba) tệp video có nội dung ông T3 nói chuyện với T về việc cung cấp giấy tờ hoàn thiện để các con ông T3 được hưởng tiền sau khi mua bán đá thiên thạch và việc ông T3 đưa tiền cho T để làm thủ tục xin cấp phép, thúc giục ông T3 đưa tiền để làm chi phí xác nhận của Bộ, ban ngành.

- Kiểm tra điện thoại Iphone 12 Promax của ông Phạm Trọng T3 xác định: Trong khoảng thời gian 12/5/2020 đến ngày 27/7/2022 phát sinh liên lạc giữa nick Zalo Thuanpham với các nick Zalo Cô T, Cô T 2, Cô T.H5 với nội dung đề nghị ông T3 chuyển tiền cho T.

**Tại bản Kết luận giám định số 9228/KL-KTHS ngày 01/03/2024 của V2 - Bộ C3 về các tệp video thu giữ, kết luận:**

“...V. Kết luận về đối tượng giám định

- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong 03 (ba) tệp video mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng là “em” được gọi là “cô” trong các tệp video “5425369331173463482.mp4” “8070472651513890159.mp4” mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Thị T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “bác” trong tệp video “8070472651513890159.mp4” mẫu cần giám định và tiếng nói của Phạm Trọng T3 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Không đủ cơ sở xác định có tiếng nói của Phạm Trọng T3 trong mẫu so sánh có trong tệp video “5425369331173463482.mp4” mẫu cần giám định hay không, do tiếng nói của người đàn ông tham gia hội thoại trong tệp video không đạt yêu cầu (thời lượng nói ngắn)...”

**Tại bản Kết luận giám định số 4908/KL-KTHS ngày 24/7/2023 của Phòng K - Công an thành phố H kết luận:**

“...V. Kết luận về đối tượng giám định:

1. Chữ ký, chữ viết gồm:

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Ngọc B trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1);

- Chữ ký thứ 2 từ trái sang phải cuối các trang đánh số từ 1 đến 5; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Ngọc B (dưới chữ ký) tại cột “Ghi chú (Ký nhận)” và chữ ký đứng tên Nguyễn Ngọc B dưới mục “Người chuyển nhượng” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3);

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Ngọc Bích (dưới chữ ký) tại trang đánh số 9 mẫu cần giám định (Ký hiệu A4);

Với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc B trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

## 2. Chữ ký, chữ viết gồm:

- Chữ ký đứng tên Đặng Hoàng G trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1);

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đặng Hoàng G (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2);

- Chữ ký thứ nhất từ trái sang phải cuối các trang đánh số từ 1 đến 6; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đặng Hoàng G (dưới chữ ký) tại cột “Ghi chú (Ký nhận)” và chữ ký đứng tên Đặng Hoàng G dưới mục “Chủ hàng” và trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3);

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đặng Hoàng G (dưới chữ ký) tại trang đánh số 9 mẫu cần giám định (Ký hiệu A4)

Với chữ ký, chữ viết đứng tên Đặng Hoàng G trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M3, M4) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

## 3. Chữ ký, chữ viết gồm:

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phạm Trọng T3 (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2);

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phạm Trọng T3 (dưới chữ ký) tại cột “Ghi chú (Ký nhận)” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3)

Với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Trọng T3 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M5 đến M7) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

## 4. Chữ ký, chữ viết gồm:

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị T (dưới chữ ký) tại cột “Ghi chú (Ký nhận)” tại trang đánh số 1; Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị T

dưới mục “Chủ hàng” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3);

- Chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị T tại trang đánh số 9 mẫu cần giám định (Ký hiệu A4);

Với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị T trên mẫu so sánh (Ký hiệu M8) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

\* Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Thị T tại trang đánh số 9 mẫu cần giám định (Ký hiệu A4) với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị T trên mẫu so sánh (Ký hiệu M8) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không...”

Quá trình điều tra vụ án, ông Phạm Trọng T3 không cung cấp được tài liệu chứng minh về các lần đưa tổng số tiền mặt là 4.840.000.000 đồng cho Nguyễn Thị T như lời khai. Tại Cơ quan điều tra, bị can T không thừa nhận việc nhận tiền mặt từ ông T3 nên chưa đủ căn cứ kết luận T đã chiếm đoạt số tiền mặt trên của ông T3.

Ngày 28/4/2023, Ngân hàng C4 chi nhánh H6 có văn bản trả lời Cơ quan điều tra, nội dung: “ ...Theo kết quả rà soát cơ sở dữ liệu khách hàng nói trên, Đặng Hoàng G không duy trì bất kỳ tài khoản nào tại C5. Đồng thời, số tài khoản Ngân hàng C4 số 10000726686 mang tên Đặng Hoàng G không nằm trong danh sách tài khoản đã đóng, được lưu trữ tại C5.”

Quá trình điều tra vụ án, bị can Đặng Hoàng G khai nhận đã cùng Nguyễn Thị T đưa ra các thông tin gian dối về việc sở hữu đá Thiên Thạch và tiền USD trôi nổi chưa kích hoạt lưu thông, sau đó theo yêu cầu của T thì G ký vào Hợp đồng chuyển nhượng gia bảo, danh sách các thành viên thụ hưởng... để các bị hại tin là thật và chuyển tiền để T chiếm đoạt. Giao khai không được hưởng số tiền mà T chiếm đoạt, chỉ được T đưa tiền để chi tiêu trong gia đình. Còn bị can T không khai nhận hành vi phạm tội. T khai số tiền mà ông Nguyễn Ngọc B, ông Vũ Khắc L và ông Phạm Trọng T3 chuyển đến các tài khoản Ngân hàng của T là để trả tiền vay nợ (tuy nhiên khi vay không có giấy tờ gì, không ai chứng kiến và không nhớ cụ thể số tiền). Căn cứ các tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập, đủ cơ sở xác định T và G có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của của các bị hại trên tổng số tiền là 20.234.329.997 đồng.

Đối với các chủ tài khoản nhận tiền của Nguyễn Thị T cùng các cá

nhân có tên trong Danh sách thành viên thụ hưởng nhận tiền theo Hợp đồng chuyển nhượng gia bảo do T và G lập, Cơ quan điều tra đã có văn bản ủy thác đến Công an các tỉnh, thành phố nhưng hiện chưa có kết quả trả lời. Ngày 25/10/2024, Cơ quan điều tra đã quyết định tách tài liệu liên quan đến các tài khoản nhận, chuyển tiền với tài khoản của Nguyễn Thị T; liên quan đến các thành viên khác trong danh sách thụ hưởng do T và G lập để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

**Trách nhiệm dân sự:** Ông Phạm Trọng T3 đề nghị xử lý các bị can Nguyễn Thị T và Đặng Hoàng G theo pháp luật và yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 22.610.369.997 đồng.

Bản cáo trạng số 748/CT-VKSHN-P2 ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T và bị cáo Đặng Hoàng G về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

**Tại phiên tòa:**

Bị cáo Nguyễn Thị T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng tiền chuyển là do vay mượn và chung vốn làm ăn, bị cáo không có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại. Bị cáo Đặng Hoàng G khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản cáo trạng, bị cáo cho rằng bị cáo không được hưởng lợi gì, làm theo sự chỉ bảo của Nguyễn Thị Tuyết .

Bị hại ông Vũ Khắc L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền hơn 4 tỷ đồng: Ông Nguyễn Ngọc B thừa nhận đã nhận được 316.000.000 đồng còn buộc các bị cáo phải bồi thường hơn 1 tỷ đồng; Ông Phạm Trọng T3 đề nghị buộc các bị cáo phải bồi thường hơn 22 tỷ đồng và các bị hại đều đề nghị xử lý các bị cáo nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của bị hại, những người làm chứng cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Nguyễn Thị T và Đặng Hoàng G về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39; Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Tuyết T10 Chung thân. Tổng hợp hình phạt với 09 năm tù tại bản án số 110/2023/HSST ngày 23/3/2023 của TAND TP Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai bản án là tù Chung thân.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đặng Hoàng G từ 12 đến 13 năm tù. Tổng hợp hình phạt với 08 năm tù tại bản án số 110/2023/HSST ngày 23/3/2023 của TAND TP Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai bản án là từ 20 đến 21 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị T và Đặng Hoàng G phải liên đới bồi thường trả:

+ Ông Vũ Khắc L số tiền 1.349.600.000 đồng

+ Ông Nguyễn Ngọc B số tiền 798.600.000 đồng

+ Ông Phạm Trọng T3 số tiền 17.770.369.997 đồng

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T trình bày bản bào chữa cho rằng bị cáo không đưa ra thông tin có đá thiên thạch, USD trôi nổi chưa kích hoạt mà chỉ có lời khai của bị hại B; số tiền chiếm đoạt bao gồm cả tiền cúng lễ, giao dịch đá thiên thạch; việc bị hại chuyển tiền cho bị cáo chưa xác định nội dung chuyển tiền, có khoản tiền cúng lễ, chi phí sinh hoạt; bị hại chuyển tiền trong một khoảng thời gian dài mà không có ý kiến gì; ý thức chủ quan của bị hại là tin tưởng; trách nhiệm của bị hại là tự tìm đến bị cáo hỏi về đá thiên thạch. Luật sư cho rằng hành vi của bị cáo mặc dù là nguy hiểm song cũng cần phải xem xét cho bị cáo bởi bị cáo còn mẹ già, con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Luật sư đề nghị áp dụng chính sách khoan hồng cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Hoàng G trình bày bản bào chữa không có ý kiến về tội danh truy tố của Viện kiểm sát. Luật sư cho rằng bị cáo T là chủ mưu, Giao là đồng phạm; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo sinh ra trong một gia đình thuần chất, vợ ốm đau, con bệnh nặng, bản thân nhiều bệnh; bị cáo làm theo sự chỉ đạo của T, không có tiền khắc phục hậu quả, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Luật sư đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét cho bị cáo mức

án nhẹ của điều luật quy định mà Viện kiểm sát đề xuất đề sớm về chăm sóc vợ, con.

Trong phần tranh tụng Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo, bị hại giữ nguyên quan điểm của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Đặng Hoàng G phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng, tang vật chứng đã thu giữ, các bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Nguyễn Thị T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình song căn cứ vào lời khai của bị cáo Đặng Hoàng G, lời khai của các bị hại, người làm chứng, các bản sao kê tài khoản Ngân hàng, các bản kết luận giám định, tang vật chứng thu giữ đủ căn cứ kết luận hành vi bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N2 nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã quy kết.

Từ những chứng cứ, tài liệu trên có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền để chi tiêu, Nguyễn Thị T và Đặng Hoàng G đã đưa ra thông tin không có thật về việc đang sở hữu các viên đá Thiên Thạch có trọng lượng 4,27kg đến 8,7kg, nguồn gốc cổ xưa, có chức năng hủy gương, kính và đang sở hữu nhiều tiền ngoại tệ là USD trôi nổi, chưa kích hoạt, lưu thông trên thị trường. T và G hứa hẹn với các bị hại, nếu cùng tham gia giao dịch bán

Thiên Thạch và USD trôi nổi, sẽ được chia lợi nhuận rất lớn khi bán thành công. Khi các bị hại đồng ý tham gia giao dịch này, T và G đưa ra các lý do như phải thuê quần áo chống độc để vào kho lấy tiền ngoại tệ USD hay cần tiền làm thủ tục pháp lý cho việc bán Thiên Thạch để yêu cầu các bị hại chuyển tiền. Do tin tưởng vào những thông tin do T, G đưa ra là thật nên các bị hại đã nhiều lần chuyển tiền cho T và G. Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2022, các bị cáo đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 20.234.329.997 đồng. Trong đó: Chiếm đoạt của ông Vũ Khắc L số tiền 1.349.600.000 đồng, chiếm đoạt của ông Nguyễn Ngọc B số tiền 1.114.360.000 đồng, chiếm đoạt của ông Phạm Trọng T3 số tiền 17.770.369.997 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị T, Đặng Hoàng G đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 20.234.329.997 đồng của bị cáo Nguyễn Thị T, Đặng Hoàng G thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên*”. Chính vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T và Đặng Hoàng G về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng các quy định của pháp luật.

[3] Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T cho rằng cho rằng bị cáo không đưa ra thông tin có đá thiên thạch và USD trôi nổi chưa kích hoạt là không có cơ sở bởi lẽ căn cứ vào lời khai của bị cáo Đặng Hoàng G, lời khai của các bị hại, người làm chứng đều khẳng định bị cáo Nguyễn Thị T đưa ra thông tin gian dối trên và phù hợp với các tài liệu đã thu thập được, các bản kết luận giám định. Hành vi trên của T nhằm mục đích dẫn dụ bị hại để chiếm đoạt tiền của các bị hại đúng theo diễn biến của sự việc. Do vậy Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng tội, không oan.

[4] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu riêng về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Hơn nữa số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bị hại đặc biệt lớn đến nay chưa khắc phục. Do vậy đối với các bị cáo cần phải đưa ra xét xử nghiêm khắc trước

pháp luật mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa loại tội phạm này nói chung.

[5] Đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy bị cáo Nguyễn Thị T là người giữ vai trò chính, bị cáo là người chủ động và xúi giục Đặng Hoàng G thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo trực tiếp dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tiền và sử dụng tiền chiếm đoạt của các bị hại nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao trong vụ án. Bị cáo Đặng Hoàng G thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị T, trực tiếp thực hiện các hành vi gian dối để lừa bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản nên bị cáo cũng phải chịu một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thị T, Đặng Hoàng G phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” từ 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Hoàng G thành khẩn khai báo nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; thời điểm phạm tội các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Đặng Hoàng G phạm tội với vai trò giúp sức, không được hưởng lời từ hành vi phạm tội; các bị cáo đều đông con, còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy cũng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Tại bản án số 110/2023/HSST ngày 23/3/2023 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 năm tù, bị cáo Đặng Hoàng G 08 năm tù cùng về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, các bị cáo đang trong thời gian chấp hành hình phạt của bản án nên cần tổng hợp hình phạt với bản án này để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã chiếm đoạt tiền và gây thiệt hại cho các bị hại đến nay chưa bồi thường nên cần buộc các bị cáo phải liên

đới bồi thường trả các bị hại, gồm: Ông Vũ Khắc L số tiền 1.349.600.000 đồng; Ông Nguyễn Ngọc B số tiền 1.114.360.000 đồng - 316.000.000 đồng = 798.360.000 đồng và ông Phạm Trọng T3 17.770.369.997 đồng.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T, Đặng Hoàng G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.**

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T 20 (Hai mươi)** năm tù. Tổng hợp hình phạt với **09 (C2)** năm tù tại Bản án số: 110/2023/HSST ngày 23/3/2023 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **29 (Hai mươi chín)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **27/7/2022**.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đặng Hoàng G 16 (Mười sáu)** năm tù. Tổng hợp hình phạt với **08 (T11)** năm tù tại Bản án số 110/2023/HSST ngày 23/3/2023 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **24 (Hai mươi bốn)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **11/11/2022**.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo **Nguyễn Thị T và Đặng Hoàng G** phải liên đới bồi thường trả cho:

- Ông **Vũ Khắc L** số tiền **1.349.600.000** đồng (*Một tỷ ba trăm bốn chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) (Phần bồi thường của bị cáo T là **1.000.000.000** đồng; bị cáo G là **349.600.000** đồng).

- Ông **Nguyễn Ngọc B** số tiền **798.360.000** đồng (*Bảy trăm chín tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) (Phần của bị cáo T là **700.000.000** đồng; bị cáo G là **98.360.000** đồng).

- Ông **Phạm Trọng T3** số tiền **17.770.369.997** đồng (*Mười bảy tỷ bảy trăm bảy mươi triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm chín bảy đồng*)

(Phần của bị cáo T là **15.000.000.000** đồng; bị cáo G là **2.770.369.997** đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3. Về án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 124.700.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Đặng Hoàng G phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 96.366.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục T.H.A Dân sự thành phố Hà Nội;
- Các Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

